TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 660/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 7 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phẹo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;

2. Bà Phan Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1454/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị V, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số 04A Trần Thị Ngần, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 04A Trần Thị Ngần, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 18/9/2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị V trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/7/2000. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại nhà riêng ở: Số 04A Trần Thị Ngần, Khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, ông bà thường hay phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể tìm thấy tiếng nói chung. Nguyên nhân là do ông T có tính gia trưởng, độc đoán, suốt ngày say xỉn, gây sự. Khi có rượu bia vào thì hay nạt nộ con cái, chửi bới xúc phạm bà trước

mặt các con. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không có sự thay đổi. Bà không thể tiếp tục chịu đựng cuộc hôn nhân này nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà V trình bày có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Văn Tấn Đ, sinh ngày 15/9/2000 (đã trưởng thành), Huỳnh Trần Diễm P, sinh ngày 08/10/2008, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà V trình bày là tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà V trình bày là không có.

Tại Biên bản hòa giải ngày 24/6/2020, bà V trình bày: Sau khi kết hôn cuộc sống của ông bà không hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông T rất hay đi nhậu, không chăm lo cho kinh tế gia đình. Bản thân bà là một giáo viên, nhưng ông T không giữ gìn sĩ diện cho bà, mỗi lần nhậu về là hay đánh, chửi vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà. Các con của bà rất sợ hãi khi thấy ba say xỉn. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần. Mỗi lần ông T hành hung, bà có mời chính quyền địa phương đến, đã quá nhiều lần nên chính quyền địa phương cũng không muốn đến nữa. Bà đã phải cố gắng chịu đựng hơn 10 năm nay vì chờ con trưởng thành. Bà cũng đã nộp đơn ly hôn 02 lần rồi nhưng ông T lại hứa hẹn sửa đổi nên bà lại rút đơn khởi kiện nhưng rồi ông T lại không có sự thay đổi. Nay hai đứa con của bà là Huỳnh Văn Tấn Đ, sinh năm 2000 đã trưởng thành và Huỳnh Trần Diễm P, sinh ngày 08/10/2008 cũng đã lớn, các con cảm nhận thấy cuộc sống ngột ngạt của gia đình và tâm lý bất ổn khi chứng kiến cảnh ba hay say xỉn về nhà quậy phá. Bà đã trao đổi với các con về cuộc sống của gia đình rồi, bà thấy không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Tại phiên tòa bà V trình bày: Bà yêu cầu được ly hôn với ông T; về con chung có hai con tên Huỳnh Văn Tấn Đ, sinh ngày 15/9/2000 (đã trưởng thành), Huỳnh Trần Diễm P, sinh ngày 08/10/2008, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên Huỳnh Trần Diễm P và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung thì không có.

Ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 18/9/2019, bà Trần Thị V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Huỳnh Văn T hiện đang cư trú tại: Số 04A Trần Thị Ngần, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến để tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị V và ông Huỳnh Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/7/2000. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của bà Trần Thị V thì sau kết hôn giữa bà và ông T đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống, đã không cảm nhận thấy hạnh phúc nên thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân là do ông T không chăm lo cho kinh tế gia đình, lại có tính gia trưởng, độc đoán, bản thân bà là một giáo viên nhưng ông T không giữ gìn sĩ diện cho bà, mỗi lần nhậu về là hay đánh, chửi vợ con, chửi bới xúc phạm bà trước mặt các con, đập phá đồ đạc trong nhà. Các con của bà rất sợ hãi khi thấy ba say xỉn. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần. Bà đã phải cố gắng chịu đựng hơn 10 năm nay vì chờ con trưởng thành. Hiện nay các con cũng đã lớn, bà đã trao đổi với các con về cuộc sống của gia đình rồi, bà thấy không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Ông T đã được Tòa triệu tập nhưng ông không đến Tòa, đồng thời cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến chứng tỏ ông T không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà V được ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Theo giấy khai sinh số 226, quyển số 02/2000 ngày 25/12/2000 và giấy khai sinh số 270, quyển số 01/2008 ngày 14/10/2008 thể hiện giữa bà V và ông T có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Văn Tấn Đ, sinh ngày 15/9/2000 (đã trưởng thành) và Huỳnh Trần Diễm P, sinh ngày 08/10/2008. Bà V có yêu cầu được nuôi con tên Huỳnh Trần Diễm P. Xét trẻ Huỳnh Trần Diễm P có nguyện vọng sống chung với mẹ vì ba hay đi nhậu về chửi mắng con và hay nói những lời không hay nên con không muốn sống với ba, để tạo tâm lý ổn định cho trẻ nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Huỳnh Trần Diễm P cho bà V nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, bà V tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà V trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà V trình bày không có.

Ông Huỳnh Văn T vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu ông T có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Trần Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị V được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Kể từ ngày 31/7//2020, Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/7/2000 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Văn Tấn Đ, sinh ngày 15/9/2000 (đã trưởng thành) và Huỳnh Trần Diễm P, sinh ngày 08/10/2008.

Bà Trần Thị V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Trần Diễm P; ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị V trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thị V trình bày không có.

Nếu ông T có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị V phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà V đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0083072 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Phẹo